

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang H
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thu P
2. Bà Nguyễn Thị T
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu H, Thư ký Tòa án.
- Đại diện VKSND Khu vực 4 - H tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị T, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 4 - H xét xử C1 khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 119/2025/HSST, ngày 20/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXX, ngày 15/7/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Mai Văn C - Sinh ngày 26.8.1996 - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Xóm 2, xã H, huyện H, tỉnh N (Nay là Xóm 2, xã H, tỉnh N); Chỗ ở: Không có chỗ ở cố định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 10/12; Họ và tên bố: Mai Văn Ch - SN: 1970; Họ và tên mẹ: Lê Thị L - SN: 1971; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2. Theo danh chỉ bản số: 16, lập ngày 17/12/2024 tại Công an quận B, Thành phố H thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo bị bắt người trong trường hợp khẩn cấp ngày 17/12/2024, tạm giữ từ ngày 17/12/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại giam số 1 Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh Bùi Thành C1 - sinh năm : 1996 ; Địa chỉ thường trú: số nhà 122 ngõ 43, phường C, quận B, thành phố H. Nay là phường Đ, thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa);

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn T - sinh năm: 1992; Địa chỉ thường trú: thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố H. Nay là thôn Đ, xã T, Thành phố H (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn C và anh Bùi Thành C1 - sinh năm: 1996; Chỗ ở: số nhà 122 ngõ 43, phường C, quận B, thành phố H là bạn xã hội chơi với nhau, C ở trọ gần nhà anh C1. Ngày 22/9/2024, do C cần xe ô tô để về quê nên đã gọi điện cho anh C1 hỏi mượn xe ô tô của anh C1, C nói mượn xe trong vòng 2 ngày, đến ngày 24/9/2024 sẽ mang xe về trả anh C1.

Anh C1 đồng ý và giao xe ô tô Mitsubishi Attrage màu trắng biển kiểm soát 90A-23090 của anh cho C cùng giấy tờ đăng ký, đăng kiểm xe tại gần nhà anh C1 ở ngõ 43 đường Cổ Nhuế, phường C, quận B, thành phố H.

Đến ngày 24/9/2024 là ngày đến hạn trả xe nhưng do C cần tiền để trả nợ nên C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh C1 và muốn mang xe ô tô đi cầm cố hoặc bán để lấy tiền trả nợ nên chiều tối ngày 24/9/2024, C đã mang xe ô tô về trả anh C1 như đã hẹn tại ngõ 43 C, phường C, quận B và C nói dối anh C1 là C muốn thuê xe ô tô của anh C1 để sử dụng vào việc đi lại cá nhân thì anh C1 đồng ý, cả hai thoả thuận giá thuê xe là 700.000 đồng/1 ngày, thời hạn thuê từ ngày 25/9/2024 đến ngày 06/10/2024. C đã đưa anh C1 Hợp đồng thuê xe (C chuẩn bị từ trước) và chị Trịnh Thị Đào (Sinh năm 1999-NKTT: thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh H) – là vợ anh C1 đã viết vào Hợp đồng với các nội dung như thoả thuận và C không được sử dụng xe không đúng mục đích và không được cho thuê lại nếu không có sự đồng ý của anh C1. Sau đó, anh C1 và C ký vào hợp đồng thuê xe có sự chứng kiến của chị Đào. Do cả hai quen biết nên C không phải đặt cọc tiền thuê xe cho anh C1. Sau khi ký hợp đồng thuê xe và nhận được xe từ anh C1, qua bạn bè giới thiệu, C đã liên lạc với anh Trần Văn T (sinh năm: 1992-NKTT và ở: thôn Đ, xã V, huyện Đ, thành phố H) để hỏi anh T về việc cầm cố xe ô tô vào ngày 25/9/2024, C đã mang chiếc xe ô tô trên đến cầm cố cho anh T tại cửa hàng sửa chữa xe máy của anh T ở thôn Đ, xã V, huyện Đ, thành phố H, C thoả thuận cầm xe trong vòng 10 ngày, lãi suất theo thoả thuận. Anh T đồng ý. Khi cầm cố xe, anh T hỏi nguồn gốc xe thì C nói là xe của C, C mua lại của bạn nhưng chưa sang tên. Anh T sau khi nhận xe cùng giấy tờ xe đã chuyển khoản trả cho C 3 lần với tổng số tiền 150 triệu đồng vào số tài khoản 19039601052010 của C tại ngân hàng Techcombank. Sau khi nhận đủ tiền, ngày 26/9/2025 C đã viết giấy bán chiếc xe trên cho anh T để làm tin. Số tiền cầm xe, C đã trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Do đã cầm cố xe, không có xe để trả anh C1 nên ngày 13/10/2024, C đã liên lạc với anh C1 để gia hạn thuê xe đến ngày 23/10/2024. Hết thời hạn trên, do không có tiền để chuộc xe về nên C lấy lý do để kéo dài thời gian. Anh C1 nhiều lần yêu cầu C trả xe nhưng C không trả và lẩn tránh nên ngày 16/12/2024 anh Bùi Thành C1 đã đến Công an phường C trình báo.

Sau khi tiếp nhận đơn, cơ quan Công an đã dẫn giải Mai Văn C đến nơi cầm cố xe cho anh T và đã thu được chiếc xe trên.

Quá trình điều tra xác định Mai Văn C đã lừa đảo chiếm đoạt 01 xe ô tô biển kiểm soát 90A-23090 của anh Bùi Thành C1 như anh C1 trình báo nên ngày 17/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Mai Văn C và đã tiến hành điều tra làm rõ được nội dung như trên.

Vật chứng thu giữ:

****Thu giữ của anh Trần Văn T:***

-01 xe ô tô Mitsubishi Attrage màu trắng BKS 90A-23090, số khung: MMBSTA13AHH006957, số máy: 3A92UGC3090 (đã qua sử dụng).

-01 giấy bán xe ô tô BKS 90A-230.90.

-01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 90A-23090.

-01 giấy cam kết.

-01 giấy chứng nhận kiểm định và giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô.

***Thu giữ của anh Bùi Thành C1:**

- 01 Hợp đồng thuê xe ngày 25/9/2024

- 01 căn cước Công dân mang tên Mai Văn C (bản phô tô)

- 01 bản cam kết (phô tô)

Kết luận định giá tài sản số 62 ngày 06/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND quận B kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu trắng, BKS 90A-230.90 trị giá 230.000.000 đồng.

Ngày 31/12/2024, cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 6353 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP H giám định số khung số máy và biển kiểm soát xe ô tô trên.

Kết luận giám định số 307 ngày 08/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP H kết luận: Xe ô tô Mitsubishi Attrage màu trắng, BKS 90A-230.90 có số khung, số máy nguyên thủy; không giám định BKS do không có mẫu so sánh.

Ngày 27/01/2025, cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 559 trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định chữ viết, chữ ký trên Hợp đồng thuê xe và Giấy bán xe có phải là chữ ký, chữ viết của Mai Văn C không.

Kết luận giám định số 2203 ngày 23/5/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Văn C dưới mục “Người làm giấy” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (Giấy bán xe) so với chữ ký, chữ viết của Mai Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 **do cùng một người ký, viết ra.**

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Văn C dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Hợp đồng thuê xe) so với chữ ký, chữ viết của Mai Văn C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Ngày 26/12/2024, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 xe ô tô BKS 90A-230.90 kèm theo các giấy tờ xe cho anh Bùi Thành C1. (BL131)

Tại cơ quan điều tra, Mai Văn C khai nhận hành vi như trên. C khai khi mượn xe ngày 22/9/2024, C chưa có ý định chiếm đoạt xe. Đến ngày 24/9/2024 là ngày đến hạn trả xe, do bị nhiều người đòi nợ nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh C1 để cầm cố hoặc bán lấy tiền trả nợ nên chiều tối ngày 24/9/2024, C đã mang xe về trả anh C1 như đã hẹn và nói dối anh C1 cho C thuê xe ô tô để đi lại. Khi được anh C1 đồng ý cho thuê xe và

C nhận lại xe ô tô từ anh C1, ngày hôm sau C đã mang xe đi cầm cố cho anh T được 150.000.000 đồng. Sở dĩ C viết Giấy bán xe cho anh T vì anh T yêu cầu tuy nhiên C nghĩ trong 10 ngày C cũng không có tiền trả anh T nên C coi như đã bán xe ô tô đó cho anh T. Số tiền 150 triệu C đã trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. C không quen biết gì anh T, C định cầm cố xe ô tô nên có người giới thiệu (không rõ nhân thân lai lịch) và cho C số điện thoại của anh T nên C đã liên lạc với anh T để cầm cố và bán xe. Anh T không biết chiếc xe trên do C phạm tội mà có.

Tại cơ quan điều tra, anh Bùi Thành C1 trình bày như trên. Anh C1 chỉ cho C thuê xe, anh không đồng ý cho C đem xe đi cầm cố hay đi bán. Anh không biết C mang xe đi cầm cố, C không nói gì với anh. Sau khi hết hạn thuê xe, anh đã nhiều lần bảo C trả xe nhưng C không trả và khất lần, sau đó C mới nói thật với anh là đã mang xe đi cầm cố ở Đông Anh với giá 150 triệu đồng. Anh đã nhận lại chiếc xe ô tô trên. Về trách nhiệm dân sự: Anh yêu cầu Mai Văn C bồi thường 54.000.000 đồng là số tiền C đã thuê xe của anh.

Tại cơ quan điều tra, anh Trần Văn T khai nhận như trên và khai C mang xe ô tô màu trắng BKS 90A-230.90 đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh ở Xã V, huyện Đ, anh có hỏi nguồn gốc xe thì C bảo là xe mua lại của bạn thân đang đi nước ngoài nên chưa sang tên được. Anh kiểm tra giấy tờ xe có đầy đủ đăng ký xe, đăng kiểm, bảo hiểm ô tô đều mang tên Bùi Thành C1 và C gửi căn cước C1 dân của anh C1 qua zalo cho anh. Thấy giấy tờ hợp pháp nên anh đồng ý cầm xe với giá 150.000.000 đồng. Sau đó, anh T chuyển khoản 3 lần vào số tài khoản của C với tổng số tiền 150 triệu đồng và C viết Giấy bán xe cho anh. Sau khi nhận xe, C bảo mấy hôm nữa C có tiền C sang lấy lại xe thì anh đồng ý với điều kiện trả lãi do hai bên thoả thuận. Đến khoảng tháng 11/2024, vợ chồng anh C1 sang gặp anh nói chuyện về chiếc xe thì anh mới biết chiếc xe ô tô trên C chiếm đoạt của anh C1, anh đã gọi điện cho C yêu cầu giải quyết nhưng C không khắc phục được. Ngày 16/12/2024, C1 an phường C đến chỗ anh làm việc và thu giữ chiếc xe trên. Anh không biết nguồn gốc xe C mang đến là do phạm tội mà có. Về trách nhiệm dân sự: Anh yêu cầu C phải trả anh số tiền 150.000.000 đồng

Tại phiên tòa bị cáo Mai Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng số: 118/CT-VKSBLT, ngày 18/6/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân quận B, TP. H (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – H) đã truy tố và Vị đại diện viện Kiểm sát công bố trước phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo nhất trí và tự nguyện bồi thường cho anh Bùi Thành C1 số tiền 54 triệu đồng như yêu cầu của người bị hại C1. Và bị cáo có trách nhiệm thanh toán cho anh Trần Văn T số tiền 150 triệu. Số tiền này, sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo sẽ có trách nhiệm thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B (Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – H) vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Mai Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội. Đại diện VKSND quận B (Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – H) đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Mai Văn C mức án tù 07 năm 6 tháng đến 08 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Người bị hại anh Bùi Thành C1 đã nhận lại chiếc xe ô tô Mitsubishi Attrage màu trắng BKS 90A-23090, số khung: MMBSTA13AHH006957, số máy: 3A92UGC-3090 do các bị cáo C chiếm đoạt.

+ Ghi nhận bị cáo Mai Văn C có trách nhiệm bồi thường cho anh Bùi Thành C1 số tiền 54.000.000đ (năm mươi tư triệu đồng) là tiền bị cáo C thuê xe từ ngày 25/9/2024 đến ngày 16/12/2024.

+ Buộc bị cáo Mai Văn C có trách nhiệm trả cho Trần Văn T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an Thành phố H; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B (Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – H) trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Do nợ nần, không có tiền để trả nợ nên bị cáo Mai Văn C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu trắng, BKS 90A-230.90 của anh Bùi Thành

C1 mang đi đặt để lấy tiền trả nợ. Vì vậy ngày 24/9/2024, tại ngõ 43 đường C, phường C, quận B, thành phố H, bị cáo Mai Văn C đã có hành vi gian dối lập hợp đồng thuê xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu trắng, BKS 90A-230.90 của anh Bùi Thành C1 để mang đi cho thuê lại, anh C tin giả là thật đã đồng ý và giao xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu trắng, BKS 90A-230.90 cùng toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô trên cho C. Sau khi nhận được xe và giấy tờ liên quan bị cáo đã mang chiếc xe ô tô trên đi cầm cố và bán cho anh Trần Văn T được 150.000.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền trên C đã trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Hội đồng định giá tài sản tố tụng quận B đã định giá chiếc ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage màu trắng, BKS 90A-230.90 có trị giá 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi nghìn đồng). Hiện chiếc xe ô tô trên đã được thu hồi trả lại cho anh Bùi Thành C1. Vì vậy bản cáo trạng số 118/CT-VKS, ngày 18/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận B (Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – H) đã truy tố đối với bị cáo Mai Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo thể hiện hành vi với lỗi cố ý, mục đích tư lợi, số tiền bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn nên đã định khung tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xét bị cáo thành khẩn khai báo; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và lần đầu bị đưa ra xét xử. Vì vậy giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, xét các bị cáo không có tài sản riêng, không nghề và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

+ Xét anh Bùi Thành C1 yêu cầu bị cáo C phải trả anh số tiền 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng) là tiền anh cho bị cáo C thuê xe từ ngày 25/9/2024 đến ngày

16/12/2024. Tại phiên tòa, bị cáo C xin được tự nguyện bồi thường cho anh C1 số tiền trên. Xét yêu cầu của anh C1 và sự tự nguyện của bị cáo C là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật vì vậy buộc bị cáo C phải có nghĩa vụ trả cho anh C1 số tiền 54.000.000đ (Năm mươi tư triệu đồng).

+ Đối với yêu cầu của anh Trần Văn T, yêu cầu bị cáo C phải trả lại cho anh số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền mua xe. Xét yêu cầu của anh T đối với bị cáo C là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy buộc bị cáo C phải có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

[6]. Về vật chứng của vụ án: Các tài liệu, chứng cứ gồm: 01 giấy bán xe ô tô BKS 90A-230.90; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 90A-23090 (bản photocopy); 01 giấy cam kết; 01 giấy chứng nhận kiểm định và giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô (bản photocopy); 01 Hợp đồng thuê xe ngày 25/9/2024; 01 căn cước C1 dân mang tên Mai Văn C (bản photocopy); 01 bản cam kết (bản photocopy) là các tài liệu chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy cần được lưu trong hồ sơ vụ án.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo:

- **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm;
- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Mai Văn C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1- Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn C 07 (bảy) năm, 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng Khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự

Áp dụng Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Về trách nhiệm dân sự:**

- Buộc bị cáo Mai Văn C phải trả cho anh Bùi Thành C1 số tiền 54.000.000đ (năm mươi tư triệu đồng).

- Buộc bị cáo Mai Văn C phải trả cho anh Trần Văn T số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

*** Về án phí:** Bị cáo Mai Văn C phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.200.000đ (mười triệu, hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

***Về quyền kháng cáo:**

- + Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.
- + Người bị hại (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.
- + Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Khu vực 4 – H;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- C1 an Thành phố H;
- Phòng THADS Khu vực 4 – H;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang H